

SỰ KHÁC BIỆT TRONG QUY ĐỊNH VỀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CỦA QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ THEO HAI LĨNH VỰC PHÁP LUẬT: SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

Bùi Trọng Tài*, Phí Đình Khương

¹Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu này có mục tiêu chỉ ra sự khác biệt trong quy định giữa hai lĩnh vực pháp luật Sở hữu trí tuệ và Khoa học & Công nghệ về các đối tượng của quyền Sở hữu trí tuệ. Với phương pháp nghiên cứu so sánh, kết quả chỉ ra rằng đã có sự khác biệt đáng kể trong việc đề cập bản chất các đối tượng: sáng chế, bí mật kinh doanh với tư cách là công nghệ, vấn đề “công nghệ ngược” và những quy định khác biệt về chương trình máy tính mà hai lĩnh vực pháp luật nói đến. Những khác biệt này nếu không được chỉ ra và sớm khắc phục, sẽ gây ra những hệ lụy lớn cho hoạt động thực thi cả hai lĩnh vực pháp luật, nhất là việc thực thi quyền Sở hữu trí tuệ trong bối cảnh có nhiều tranh chấp và vi phạm hiện nay.

Từ khóa: Sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, khoa học và công nghệ, sáng chế, bí mật kinh doanh, chương trình máy tính

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sở hữu trí tuệ (SHTT) đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của tất cả các quốc gia trên thế giới. SHTT góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng cường sức cạnh tranh trong kinh doanh và đem lại sự năng động cho nền kinh tế. Nhận thức được tầm quan trọng đó, từ năm 2006 với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và việc cam kết thực hiện việc bảo hộ các quyền SHTT theo *Hiệp định liên quan đến các khía cạnh thương mại của quyền SHTT (TRIPS)*, Chính phủ Việt Nam đã cụ thể hóa và thể chế hóa các cam kết đó thành các quy định cụ thể của Pháp luật Việt Nam.

Thực tế cho thấy, có rất nhiều ngành Luật của Việt Nam liên quan đến các đối tượng khác nhau của quyền SHTT ví dụ như Bộ Luật Dân sự coi SHTT như một thứ quyền tài sản; Luật xuất bản đề cập lĩnh vực Bản quyền; Luật Cạnh tranh liên quan đến khía cạnh bí mật kinh doanh (BMKD) và cạnh tranh không lành mạnh của SHTT ... Tuy vậy, có hai đạo luật được xem là quan trọng nhất, trực tiếp quy định và điều chỉnh các đối tượng của quyền SHTT là Pháp luật SHTT và pháp luật

KH&CN. Bài viết dưới đây khảo sát sự khác biệt trong quy định về các đối tượng của quyền SHTT theo hai lĩnh vực pháp luật này. Từ đó phân tích, đánh giá và làm rõ sự khác biệt giữa các đối tượng đó.

NHỮNG ĐỐI TƯỢNG KHÁC NHAU CỦA QUYỀN SHTT ĐƯỢC HAI LĨNH VỰC PHÁP LUẬT ĐỀ CẬP

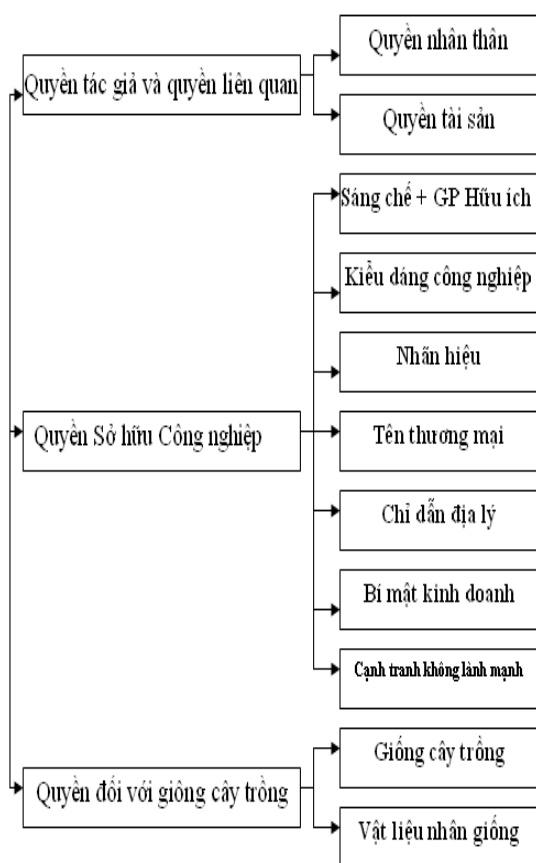
Lĩnh vực pháp luật Sở hữu trí tuệ

Luật SHTT là đạo luật chuyên ngành, quy định chi tiết và điều chỉnh toàn bộ các đối tượng của quyền SHTT. Theo ngành luật này, các đối tượng được Pháp luật SHTT điều chỉnh bao gồm: Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả (gọi tắt là quyền tác giả và quyền liên quan); Quyền Sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng[4]. Các đối tượng được cụ thể hóa theo sơ đồ trong hình 1. Cụ thể:

- *Nhóm quyền tác giả và quyền liên quan* đến quyền tác giả đề cập đến hai loại quyền căn bản của *tác giả, chủ sở hữu tác phẩm* và những *tổ chức và cá nhân* liên quan đến *cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa*”[4]. Có hai loại quyền căn bản của những người nói trên là *Quyền nhân thân* (bao gồm đặt tên cho tác phẩm, đứng tên trên

* Tel: 0982486995

tác phẩm, công bố tác phẩm, bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, quyền được giới thiệu tên khi biểu diễn, bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn) và *Quyền tài sản* (bao gồm làm tác phẩm phái sinh, biểu diễn tác phẩm trước công chúng, sao chép, phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, truyền đạt tác phẩm bằng phương tiện kỹ thuật, cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính). Quyền tác giả và quyền liên quan được bảo hộ một cách tự động kể từ thời điểm tác phẩm được định hình dưới một dạng vật chất nhất định [2].



Hình 1: Đối tượng của quyền SHTT

- **Nhóm quyền sở hữu công nghiệp** đề cập đến các đối tượng như sáng chế và giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

Mỗi đối tượng của nhóm quyền này lại có một lĩnh vực bảo hộ riêng, một thời hạn bảo hộ riêng và một chế tài riêng cho từng đối tượng. Tuy nhiên, đặc điểm chung của việc bảo hộ các đối tượng này là nguyên tắc “bảo hộ độc lập”[3]. Điều đó có nghĩa rằng, quyền của các đối tượng chỉ được xác lập kể từ thời điểm đối tượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ và việc bảo hộ của một quốc gia không là tiền đề để nó được bảo hộ tại một quốc gia khác.

- **Nhóm quyền đối với giống cây trồng** áp dụng cho giống cây trồng và vật liệu nhân giống. Điều kiện để được bảo hộ là giống cây trồng đó thuộc danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định[4].

Lĩnh vực pháp luật KH&CN

Khoa học và Công nghệ là một lĩnh vực có phạm vi điều chỉnh rộng và liên quan đến nhiều đối tượng. Các tác phẩm khoa học, các công trình nghiên cứu là những đối tượng điều chỉnh của luật KH&CN thì cũng là những đối tượng thuộc nhóm quyền tác giả của luật SHTT; Các đối tượng như sáng chế, bí mật kinh doanh của quyền Sở hữu công nghiệp được xem xét như là những công nghệ, cũng thuộc đối tượng điều chỉnh của cả hai ngành Luật. Giống cây trồng và vật liệu nhân giống cũng là kết quả của quá trình R&D (Nghiên cứu và Phát triển) của hoạt động nghiên cứu khoa học. Điều đó cho thấy sự liên quan mật thiết giữa hai ngành luật KH&CN với SHTT. Chẳng vậy mà trong công tác quản lý nhà nước về SHTT hiện nay, Cục Sở hữu trí tuệ được đặt dưới sự quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đề cập đến các đối tượng của quyền SHTT, pháp luật về KH&CN không quy định một cách cụ thể, tuy nhiên khảo sát tổng quan toàn bộ hệ thống pháp luật KH&CN thì có thể thấy các đối tượng sau được đề cập:

- **Sáng chế với tư cách như là một công nghệ.** Chúng ta đều biết “*Công nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí*

quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm”[5]; Trong khi đó “sáng chế là một giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình, dùng để giải quyết một vấn đề cụ thể bằng việc ứng dụng các quy luật của tự nhiên”[4]. Điều đó cho thấy, sáng chế chính là một phần, một bộ phận không thể tách rời của công nghệ. Ví dụ: sáng chế JP 2025413 do Cục SHTT cấp bằng độc quyền cho một chất đề kháng bệnh sâu răng có độ an toàn cao bằng cách kết hợp catechin thô chiết xuất từ lá chè xanh, tách các thành phần từ catechin thô, chia tách cho este catechin thô hoặc catechin nguyên chất.

- Bí mật kinh doanh với tư cách như một công nghệ ở dạng bí quyết kỹ thuật.

Nội hàm khái niệm “Bí mật kinh doanh theo Luật SHTT “là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh”[7].

Bí mật kinh doanh là thông tin được sử dụng trong hoạt động kinh doanh đáp ứng các điều kiện:

- Không phải là hiểu biết thông thường;
- Sử dụng trong hoạt động kinh doanh và tạo ra lợi thế cạnh tranh hơn so với người người không nắm giữ hoặc sử dụng;
- Được chủ sở hữu áp dụng các biện pháp bảo mật cần thiết để thông tin đó không bị tiết lộ và không dễ dàng tiếp cận được”[4]

Như vậy, với bất cứ bí mật kinh doanh nào ở dạng công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ hiện đại, có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp thì đều có thể được xem xét như là một đối tượng của cả hai lĩnh vực pháp luật: KH&CN và SHTT. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng, không phải mọi bí mật kinh doanh đều là công nghệ.

Theo Luật chuyển giao công nghệ năm 2006 định nghĩa “Bí quyết kỹ thuật là thông tin được tích lũy, khám phá trong quá trình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh của chủ sở hữu công nghệ có ý nghĩa quyết định chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm công nghệ”[6].

Như vậy, bí quyết kỹ thuật cũng có thể là một dạng bí mật kinh doanh nếu như nó được dùng để tạo ra “ý nghĩa quyết định chất lượng, khả năng cạnh tranh” cho chủ sở hữu.

- Chương trình máy tính với tư cách như một công nghệ được chuyển giao:

Theo điều 7.1.b Luật chuyển giao công nghệ của Việt Nam năm 2006 xác định:

b) Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu;[6]

Như vậy, có thể thấy chương trình máy tính được đề cập trong pháp luật Khoa học và công nghệ giống như một “Công nghệ” có thể chuyển giao.

SỰ KHÁC BIỆT TRONG HAI CƠ CHẾ PHÁP LUẬT VỀ BẢN CHẤT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP

Chúng ta lần lượt chỉ ra sự khác biệt về bản chất của từng đối tượng được cả hai lĩnh vực pháp luật đề cập. Sự quy định sai khác về bản chất này nếu không được chỉ ra và tháo gỡ sẽ dẫn đến những hệ lụy rất lớn về sau khi mà cả hai lĩnh vực pháp luật cùng nói về một đối tượng, nhưng mỗi lĩnh vực lại nói một kiểu, dẫn đến sự chồng chéo và khó thực thi trong thực tiễn.

Khác biệt 1: Sáng chế và công nghệ: cả hai lĩnh vực pháp luật đều điều chỉnh 01 đối tượng.

Ở trên, chúng ta đã chỉ ra được: Mọi sáng chế đều là công nghệ và một số công nghệ là sáng chế. Như vậy, cả sáng chế và công nghệ đều được điều chỉnh theo hai lĩnh vực pháp luật. Tuy nhiên cũng cần nói thêm rằng: Chỉ có những công nghệ là sáng chế, nghĩa là đáp ứng được: tính mới, trình độ sáng tạo, và khả năng áp dụng công nghiệp, thì mới được điều chỉnh bởi luật SHTT;

Khác biệt 2: Công nghệ ngược với sáng chế và bí mật kinh doanh:

Chúng ta cần hiểu thế nào là “Công nghệ ngược”? Luật KH&CN định nghĩa “Công

nghệ là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm”[5]. Vậy quá trình đi từ sản phẩm để tìm ra các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện... thì có gọi là “công nghệ ngược”.

Trong luật KH&CN không có khái niệm “công nghệ ngược”, nhưng trong lĩnh vực SHTT người ta gọi quá trình này là Reverse Engineering[1]. Với quá trình từ sản phẩm mà tạo ra công nghệ này, có liên quan chặt chẽ đến 2 đối tượng được bảo hộ quyền SHTT là sáng chế và bí mật kinh doanh, cụ thể như sau:

Nếu một công nghệ được bảo hộ dưới danh nghĩa sáng chế, thì quá trình đi tìm “công nghệ ngược” kia được xem là hành vi xâm phạm quyền của chủ sở hữu đối với sáng chế; Tuy vậy, nếu một công nghệ được bảo hộ dưới danh nghĩa bí mật kinh doanh, thì hành vi đi tìm “công nghệ ngược” lại được xem là hành vi hợp pháp.

Khác biệt 3: Chương trình máy tính là công nghệ hay là tác phẩm khoa học?

Theo pháp luật KH&CN đề cập, chương trình máy tính được xác định là “một loại công nghệ được chuyển giao”(Xem lại 2.2);

Tuy vậy, theo pháp luật SHTT, chương trình máy tính được xác định là một tác phẩm Khoa học được bảo hộ theo lĩnh vực quyền tác giả. Chúng ta hãy xem quy định của Luật SHTT 2005 tại điều 14. ***Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả***

1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm[4]:

a) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;

.....

m) *Chương trình máy tính*, sưu tập dữ liệu.

Nếu chương trình máy tính là một công nghệ, nó có thể được bảo hộ dưới danh nghĩa là một sáng chế; Điều này hoàn toàn mâu thuẫn với lĩnh vực bảo hộ tự động của quyền tác giả dành cho chương trình máy tính. Như vậy, rõ

ràng có sự khác biệt nhau khá rõ giữa hai lĩnh vực pháp luật khi quy định về chương trình máy tính.

KẾT LUẬN

Từ những nghiên cứu đối sánh giữa hai lĩnh vực pháp luật SHTT và KH&CN, chúng ta thấy có sự quy định khác biệt khá rõ về các đối tượng của quyền SHTT được cả hai lĩnh vực pháp luật đề cập. Pháp luật SHTT đề cập tổng thể, toàn diện, hệ thống các đối tượng của quyền SHTT và có sự phân tách rõ ràng theo ba nhóm đối tượng: quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng. Pháp luật KH&CN đề cập đến một số đối tượng của quyền SHTT như: sáng chế với tư cách là công nghệ; bí mật kinh doanh với tư cách là công nghệ ở dạng bí quyết kỹ thuật; chương trình máy tính. Các so sánh cũng chỉ ra những khác biệt căn bản khi quy định về các đối tượng của quyền SHTT: Khác biệt giữa việc điều chỉnh cùng một đối tượng nhưng hai lĩnh vực pháp luật khác nhau điều chỉnh; khác biệt giữa công nghệ ngược với các đối tượng sáng chế, bí mật kinh doanh; khác biệt giữa sự quy định sai khác bản chất của chương trình máy tính.

Việc chỉ ra những khác biệt này có ý nghĩa quan trọng để đóng góp những ý kiến phản biện đối với các nhà làm luật. Đặc biệt, khi dự thảo Luật KH&CN đang được đệ trình để sửa đổi, bổ sung năm 2012.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. TS. Trần Văn Hải,(2008), ”Về các thuật ngữ Sở hữu trí tuệ trong Luật Khoa học và Công nghệ”, *Tạp chí Hoạt động khoa học*, Bộ Khoa học và Công nghệ, số 592 tháng 9; tr21
- [2]. Liên Hợp Quốc(1886).*Công ước Bern về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật* (Đạo luật Paris ngày 24 tháng 7 năm 1971).
- [3]. Liên Hợp Quốc(1883), *Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp* (Thông qua ngày 20.3.1883, được sửa đổi tại Stockholm ngày 14..7.1967, và được tổng sửa đổi ngày 28.9.1979).
- [4]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, (2006), *Luật Sở hữu trí tuệ 2005*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, (2001), *Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, (2007), *Luật chuyển giao công nghệ năm 2006*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Bùi Trọng Tài, (2009), *Những quy định khác nhau của Pháp luật cạnh tranh và pháp luật SHTT về xử lý xâm phạm quyền SHCN bằng biện pháp hành chính*. Khóa Luận tốt nghiệp đại học, Niên khóa 2005 – 2009, Đại học Quốc gia Hà Nội.

SUMMARY

STUDY THE DEFERENCES IN OBJECTS OF INTELLECTUAL PROPERTY ACCORDING TO THE PROVISIONS OF LAW ON INTELLECTUAL PROPERTY AND LAW ON SCIENCE AND TECHNOLOGY

Bui Trong Tai*, **Phi Dinh Khuong**

College of Science - TNU

This study aims on the view of differences in subjects of intellectual property according to the provisions of law on intellectual property and law on science and technology. By comparative research method, the result points out the significant difference in mentioning the nature of subjects of intellectual property according to two laws as follows: invention and trade secret as a technology; computer programs and the “Reverse Engineering” problem. If those differences are not shown and resolved, there will be a lot of difficulties to enforce intellectual property rights. In conclusion, law on intellectual property and law on science and technology must be adjusted in the regulations of objects of intellectual property to be suitable.

Key words: *Intellectual property rights, industrial property rights, science and technology, invention, trade secret, computer program*

Ngày nhận bài: 26/02/2013; Ngày phản biện: 04/3/2013; Ngày duyệt đăng: 06/6/2013

* Tel: 0982486995